

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo Thông báo số 211/TB-HKL ngày 04/5/2026 của Hạt Kiểm lâm khu vực VIII về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tích thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan Nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Phạm Thanh Trung; Chức vụ: Kiểm lâm viên trung cấp.
- Cơ quan/đơn vị: Hạt Kiểm lâm khu vực VIII.
- Địa chỉ: Số 285 đường 17, tháng 3, thôn Gò Dếp, xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ:

3. Người chứng kiến:

II. THÔNG TIN CHI TIẾT ĐỐI VỚI GỖ NGUYÊN LIỆU:

TT	Số hiệu/nhân đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/tám/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m ³ hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường Kính hoặc chiều dày			
01		Gỗ Phay			Thông thường	3,0		17	01	0,068	Số 01/QĐ-TT ngày 01/12/2025 của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm khu vực VIII
02		Gỗ Phay			Thông thường	2,9		15	01	0,051	
03		Gỗ Phay			Thông thường	1,4		35	01	0,134	
04		Gỗ Phay			Thông thường	1,3		30	01	0,091	
05		Gỗ Phay			Thông thường	1,35		30	01	0,095	
06		Gỗ Phay			Thông thường	1,3		30	01	0,091	
07		Gỗ Phay			Thông thường	0,75	43	30	01	0,096	
08		Gỗ Phay			Thông thường	2,2	9	50	01	0,099	
09		Gỗ Phay			Thông thường	2,5	7	45	01	0,078	
10		Gỗ Phay			Thông thường	2,2	30	15	01	0,099	
11		Gỗ Phay			Thông thường	2,8	28	17	01	0,133	

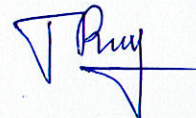
12		Gỗ Phay			Thông thường	1,8	32	15	01	0,068	
13		Gỗ Phay			Thông thường	2,0	40	10	01	0,080	
14		Ké			Thông thường	2,2	40	15	01	0,132	
15		Ké			Thông thường	1,3	30	16	01	0,062	
16		Ké			Thông thường	2,2	19	19	01	0,079	
17		Ké			Thông thường	2,0	30	20	01	0,120	
18		Ké			Thông thường	2,2	20	20	01	0,088	
19		Ké			Thông thường	2,0	25	16	01	0,080	
20		Ké			Thông thường	2,5	25	19	01	0,118	
21		Ké			Thông thường	2,2	35	10	01	0,077	
22		Ké			Thông thường	2,2	40	10	01	0,088	
23		Ké			Thông thường	2,5	20	18	01	0,090	
24		Giẻ trắng			Thông thường	3,4	12	7	03	0,086	Số 02/QĐ-XPHC ngày 14/4/2025 của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm khu vực VIII
Tổng cộng:									26	2,203	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: Tổng 13 thanh, lóng; khối lượng 1,183m³; tên gỗ: Phay. Tổng 10 thanh; khối lượng 0,934m³; tên gỗ: Ké. Tổng 03 thanh; khối lượng 0,086m³; tên gỗ: Giẻ trắng./.

Son Hà, ngày 04 tháng 5 năm 2026

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ



Phạm Thanh Trung

NGƯỜI CHỨNG KIẾN